

Số: 20/2017/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 17 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển
nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2015/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ Quy định về ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Bộ Tài chính-Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Quyết định 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Thực hiện Quyết định số 1222/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020;

Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII nhiệm kỳ 2015-2020;

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu đến năm 2020 và tầm nhìn 2030;

Thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 10 tháng 10 năm 2016 Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao, nhân rộng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh;

Xét Tờ trình số 136/TTr-UBND ngày 29/6/2017 của UBND tỉnh trình trình HĐND tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật; hàng năm, báo cáo kết quả triển khai thực hiện nghị quyết tại kỳ họp HĐND cuối năm.

2. Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khoá X Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 28/7/2017./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ NN&PTNT;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư Pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TP;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH




Nguyễn Đức Thanh

QUY ĐỊNH

**Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn
giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND
ngày 17/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Hệ thống tưới tiết kiệm là hệ thống đường ống cung cấp nước cho cây trồng thông qua các thiết bị tưới và chỉ làm ướt từng khoảng đất nhỏ ở gốc cây trồng (phần hoạt động của bộ rễ). Được phân loại như sau:

- Tưới nhỏ giọt là kỹ thuật tưới cung cấp nước vào đất dưới dạng các giọt nước nhỏ ra từ thiết bị tạo giọt đặt trên mặt đất gần gốc cây;

- Tưới phun mưa là kỹ thuật tưới cung cấp nước cho cây trồng dưới dạng các hạt mưa hoặc hạt sương rơi xung quanh gốc cây trồng;

- Tưới ngầm là kỹ thuật tưới đưa nước vào đất dưới dạng các giọt nước ra thường xuyên từ thiết bị tưới đặt dưới mặt đất ở vùng rễ cây hoạt động.

2. Rau an toàn: Có 4 tiêu chuẩn sau đây nếu vượt quá ngưỡng cho phép sẽ thuộc vào loại không an toàn, các nhóm chất đó là (i) Dư lượng thuốc hoá học (thuốc sâu, bệnh, thuốc cỏ), (ii) Số lượng vi sinh vật và ký sinh trùng gây bệnh, (iii) Dư lượng đạm nitrat, (iv) Dư lượng các kim loại nặng (chì, thủy ngân, asênic, kẽm, đồng).

3. Cây trồng cận (được giới hạn hỗ trợ tại quy định này, phải có trong quy hoạch cây trồng thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu của tỉnh): Hành, tỏi, ớt, cà chua, măng tây, nha đam, bắp, đậu xanh, đậu phụng, cò chăn nuôi, mía, mỳ. Cây ăn quả: Nho, táo, bưởi da xanh.

4. Tổ chức đại diện của nông dân gồm các hợp tác xã và Hội nông dân.

5. Hỗ trợ lần đầu: Là mô hình do hộ gia đình, tổ chức triển khai lần đầu tiên nhận được hỗ trợ, việc nhân rộng mô hình của một đối tượng không được hỗ trợ.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Chính sách này hỗ trợ cho các đối tượng có điều kiện đảm bảo quy định, gồm các nội dung hỗ trợ: Nhân rộng tưới tiết kiệm nước; chuyển đổi lúa nước kém hiệu quả sang cây nhỏ, cây táo, cây trồng cận; khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt. Ngoài chính sách hỗ trợ tại Quy định này, các đối tượng còn được hưởng các chính sách hỗ trợ khác theo các quy định hiện hành. Trường hợp các chính sách có cùng nội dung hỗ trợ thì chỉ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

2. Chính sách được hỗ trợ một lần (trừ một số nội dung hỗ trợ được quy định tại các điều, khoản cụ thể), không thu hồi ngân sách hỗ trợ.

3. Hỗ trợ theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng đến năm 2020 của từng địa phương.

4. Hỗ trợ trên cơ sở các định mức kinh tế kỹ thuật, các quy định được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo lộ trình, kế hoạch hàng năm.

5. Quản lý, sử dụng kinh phí đúng đối tượng, mục đích, đảm bảo hiệu quả, theo đúng quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Các chính sách hỗ trợ

1. Hỗ trợ nhân rộng tưới tiết kiệm nước

a) Đối tượng hỗ trợ

Hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sản xuất cây nho, táo, bưởi da xanh, cây trồng cạn đã đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm nước.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Diện tích sản xuất cây nho, táo, bưởi da xanh, cây trồng cạn có quy mô từ 0,2 ha trở lên hoặc sản xuất rau an toàn có quy mô từ 0,1 ha trở lên; được địa phương xác nhận đang sản xuất loại cây phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của từng địa phương trên phạm vi toàn tỉnh;

- Hệ thống tưới tiết kiệm nước được hỗ trợ lần đầu khi đã đầu tư hoàn thành, đưa vào hoạt động đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định hiện hành nhưng chưa được hỗ trợ từ các chính sách, chương trình, dự án khác.

- Thứ tự ưu tiên hỗ trợ:

+ Nhóm 1: Các vùng chuyển đổi lúa nước kém hiệu quả sang cây nho, táo, bưởi da xanh, cây trồng cạn, rau an toàn;

+ Nhóm 2: Các vùng sản xuất tập trung chủ lực cây nho, táo, bưởi da xanh, cây trồng cạn, rau an toàn;

+ Nhóm 3: Các vùng sản xuất có hợp tác xã sản xuất cây nho, táo, bưởi da xanh, cây trồng cạn, rau an toàn;

+ Nhóm 4: Các vùng sản xuất nông nghiệp khác trên địa bàn tỉnh.

c) Mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% chi phí đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiết kiệm nước nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng/ha.

2. Hỗ trợ chuyển đổi lúa nước kém hiệu quả sang cây nho, cây táo, cây trồng cạn

a) Đối tượng hỗ trợ

Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp trồng mới nho, táo, cây trồng cạn trên diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Trồng mới nho, táo, cây trồng cạn trên diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả và phù hợp với kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng của địa phương. Ưu tiên hỗ trợ chuyển đổi lúa nước kém hiệu quả sang cây nho, cây táo, cây trồng cạn gắn với đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm;

- Cây giống, hạt giống phải được mua từ các cơ sở sản xuất giống đạt tiêu chuẩn;

- Có quy mô tập trung từ 0,1 ha trở lên đối với nho (2.000 gốc/ha), táo (600 gốc/ha); quy mô từ 0,2 ha trở lên đối với cây trồng cạn.

c) Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ chuyển đổi sang cây nho, táo:
 - + Hỗ trợ giống 01 (một) lần với mức 30% chi phí mua giống, nhưng không quá 7 triệu đồng/ha đối với nho gốc ghép, không quá 3,6 triệu đồng/ha đối với táo ghép;
 - + Hỗ trợ kinh phí đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm theo điểm c, khoản 1, Điều này nếu kết hợp chuyển đổi cây trồng và đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm.
- Hỗ trợ chuyển đổi sang cây trồng cạn:
 - + Hỗ trợ một lần kinh phí mua giống cho vụ sản xuất đầu tiên với mức hỗ trợ 2,6 triệu đồng/ha;
 - + Hỗ trợ kinh phí đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm theo điểm c, khoản 1, Điều này nếu kết hợp chuyển đổi cây trồng và đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm.

3. Hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn

a) Hỗ trợ nông dân chi phí mua giống cây trồng để gieo trồng vụ đầu tiên trong dự án cánh đồng lớn

- Đối tượng hỗ trợ: Hộ nông dân tham gia trong dự án cánh đồng lớn.
- Điều kiện hỗ trợ: Theo quy định tại khoản 2, Điều 6 Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó ưu tiên hỗ trợ xây dựng cánh đồng lớn theo hướng áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt.
- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần 30% chi phí mua giống cây trồng có phẩm cấp chất lượng từ giống xác nhận trở lên để gieo trồng vụ đầu tiên trong dự án cánh đồng lớn.

- Đơn giá mua giống cây trồng để hỗ trợ hàng năm và định mức gieo trồng từng loại cây trồng theo Quy định của cấp có thẩm quyền.

b) Hỗ trợ bảo vệ thực vật

- Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức đại diện của nông dân tham gia dự án cánh đồng lớn.

- Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức đại diện của nông dân có hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản cho các hộ thành viên và nông dân trên địa bàn; có dự án hoặc phương án cánh đồng lớn (trong đó có đề xuất hỗ trợ kinh phí thuốc bảo vệ thực vật, công lao động để thực hiện bảo vệ thực vật) chung cho các thành viên và được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Mức hỗ trợ: Tổ chức đại diện của nông dân được hỗ trợ 30% trong năm đầu và 20% năm thứ 2 chi phí thực tế về thuốc bảo vệ thực vật, công lao động để thực hiện dịch vụ bảo vệ thực vật chung cho các thành viên.

- Đơn giá thuốc bảo vệ thực vật, nhân công để hỗ trợ hàng năm và định mức thuốc bảo vệ thực vật, nhân công theo Quy định của cấp có thẩm quyền.

c) Hỗ trợ lưu kho và thu mua tạm trữ trong trường hợp Chính phủ thực hiện chủ trương tạm trữ nông sản

- Đối tượng hỗ trợ: Hộ nông dân tham gia dự án cánh đồng lớn.
- Điều kiện hỗ trợ: Hộ nông dân có cam kết thực hiện sản xuất, bán nông sản theo đúng hợp đồng đã ký và được cấp có thẩm quyền xác nhận.

- Mức hỗ trợ: Nông dân tham gia trong dự án cánh đồng lớn được hỗ trợ 100% kinh phí lưu kho tại doanh nghiệp, thời hạn tối đa là 03 tháng trong trường hợp Chính phủ thực hiện chủ trương tạm trữ nông sản; doanh nghiệp trong nước đang hoạt động trên địa bàn tỉnh và tổ chức đại diện của nông dân được tạo điều kiện tham gia thực hiện chương trình tạm trữ nông sản của Chính phủ.

d) Ưu đãi tiền thuê đất cho các tổ chức, cá nhân để phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn

Việc ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất được thực hiện theo Điều 18, 19, 20 Mục 2, Chương II Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

đ) Hỗ trợ tổ chức bồi dưỡng, tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật

- Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp; Tổ chức đại diện của nông dân.

- Điều kiện hỗ trợ: Đảm bảo các điều kiện quy định tại Khoản 2, Điều 4 Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ; ngân sách nhà nước hỗ trợ sau khi tổ chức hoàn thành khóa học, các khoản chi trực tiếp cho nông dân phải có chữ ký xác nhận của nông dân (hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại).

- Mức hỗ trợ:

+ Tổ chức đại diện của nông dân tổ chức bồi dưỡng, tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân:

Hỗ trợ khoán 125.000 đồng/người/lớp;

Hỗ trợ chi phí quản lý lớp học tương ứng theo tỷ lệ 5% tổng chi phí toàn khóa học. Tùy theo yêu cầu của từng khóa bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật có tổ chức tham quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong chương trình của khóa học, tổ chức đại diện của nông dân được chi trả tiền thuê xe và các chi phí liên hệ để tổ chức tham quan cho nông dân (đối với các lớp do tổ chức đại diện của nông dân mở, không áp dụng cho doanh nghiệp).

+ Doanh nghiệp tổ chức bồi dưỡng, tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng với các mức bằng 50% so với tổ chức đại diện của nông dân tổ chức bồi dưỡng, tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật.

+ Hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho cán bộ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất: Hỗ trợ khoán 125.000 đồng/người/lớp.

4. Hỗ trợ áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt

a) Xây dựng dự án VietGAP

- Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất, sơ chế (viết tắt là người sản xuất) các loại sản phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn thuộc Danh mục sản phẩm được hỗ trợ theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- Điều kiện hỗ trợ: Ngoài việc đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Bộ Tài chính-Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ, phải có các điều kiện sau:

+ Thuộc vùng sản xuất tập trung rau an toàn, vùng cây ăn quả, vùng nuôi trồng thủy sản thuộc quy hoạch hoặc có Dự án về áp dụng VietGAP được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Mỗi vùng có quy mô tối thiểu 05 ha trở lên đối với rau, củ, cây ăn quả và tối thiểu 05 ha đối với nuôi trồng thủy sản khu vực Đầm Nại và 10 ha trở lên đối vùng nuôi trồng thủy sản tập trung An Hải, Phước Dinh;

+ Chương trình, Dự án về áp dụng VietGAP do UBND tỉnh phê duyệt. Khi xây dựng, phê duyệt Dự án VietGAP quy định cụ thể nội dung: Chủ đầu tư; địa bàn hoặc đơn vị áp dụng VietGAP; mục tiêu; đối tượng được hỗ trợ; nội dung; cấp độ áp dụng VietGAP; dự án thành phần (nếu có); sản phẩm của dự án; chế độ quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước đầu tư, hỗ trợ.

- Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước đầu tư 100% kinh phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các Dự án sản xuất nông, lâm, thủy sản áp dụng VietGAP do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Hỗ trợ thông qua các Chương trình, Dự án về áp dụng VietGAP và các Dự án, Chương trình mục tiêu khác có liên quan (kinh phí khuyến nông, kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ phù hợp với phân cấp của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành).

- Hỗ trợ cho tập huấn, đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật:

+ Đối tượng hỗ trợ: Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp; lao động nông thôn áp dụng VietGAP trong sản xuất, sơ chế.

+ Điều kiện hỗ trợ: Theo Tiết 2, Điểm a, Khoản 4 Điều này.

+ Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí tập huấn, đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp; lao động nông thôn áp dụng VietGAP trong sản xuất, sơ chế.

- Hỗ trợ cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP:

+ Đối tượng: Theo Tiết 1, Điểm a, Khoản 4 Điều này.

+ Điều kiện hỗ trợ: Theo Tiết 2, Điểm a, Khoản 4 Điều này.

+ Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần kinh phí thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP (lần đầu hoặc cấp lại Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP). Mức hỗ trợ 100% chi phí nhưng không quá 50 triệu đồng/vùng sản xuất được cấp giấy chứng nhận.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

1. Tổng kinh phí hỗ trợ đến năm 2020 là 44,67 tỷ đồng, trong đó:

- | | |
|---|----------------|
| - Ngân sách tỉnh: | 17,39 tỷ đồng; |
| - Chương trình MTQG Nông thôn mới (kinh phí sự nghiệp): | 9,61 tỷ đồng; |
| - Kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ, khuyến nông: | 2,52 tỷ đồng; |
| - Vốn từ các dự án ứng phó biến đổi khí hậu: | 4,0 tỷ đồng; |
| - Vốn từ Dự án Tam nông giai đoạn 2: | 10,0 tỷ đồng; |
| - Ngân sách Trung ương hỗ trợ (tạm trữ nông sản): | 1,15 tỷ đồng. |

2. Kinh phí quản lý, chỉ đạo, kiểm tra nghiệm thu: Thuộc ngân sách cấp nào thì do ngân sách cấp đó tự đảm bảo; mức chi do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết

định phù hợp với tính chất từng đợt kiểm tra cụ thể nhưng tối đa 2% tổng kinh phí hỗ trợ./

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thanh